**BẢNG TỔNG HỢP**

**DANH SÁCH BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TỈNH QUẢNG NGÃI (tính đến tháng 4/2024)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và Tên** | **Chức vụ, đơn vị** | **Trình độ chuyên môn và lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật** |
|  | **Sở Tư pháp (37 người)** |
| 1 | Tôn Long Hiếu | Giám đốc Sở | Cử nhân Luật, Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Chuyên viên cao cấp |
| 2 | Nguyễn Vĩnh Lạc | Phó Giám đốc Sở | Cử nhân Luật |
| 3 | Nguyễn Cao Nguyên | Phó Giám đốc Sở | Thạc sĩ Luật |
| 4 | Phùng Văn Vũ | Trưởng phòng HCTP và BTTP | Cử nhân Luật |
| 5 | Phạm Thị Thanh Ngọc | Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật | Thạc sĩ Luật |
| 6 | Võ Văn Thảo | Trưởng phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật | Cử nhân Luật |
| 7 | Võ Văn Thoại | Chánh Thanh tra Sở | Cử nhân Luật |
| 8 | Nguyễn Văn Tân | Giám đốc Trung tâm DVĐGTS | Cử nhân Luật |
| 9 | Nguyễn Minh Phương | Phó Trưởng phòng PBGDPL | Cử nhân Luật |
| 10 | Bùi Phú Vũ | Giám đốc Trung tâm TGPLNN | Thạc sĩ Luật |
| 11 | Nguyễn Trung Tiếp | Trưởng phòng Công chứng số 1 | Cử nhân Luật |
| 12 | Nguyễn Xuân Phương | Phó Giám đốc Trung tâm TGPLNN | Thạc sĩ Luật |
| 13 | Lê Thị Tuyết Hà | Công chứng viên | Cử nhân Luật |
| 14 | Bùi Văn Nhạn | Phó Chánh Văn phòng Sở | Cử nhân Luật |
| 15 | Nguyễn Chí Khoa | Phó Giám đốc Trung tâm TGPL | Cử nhân Luật |
| 16 | Lương Thị Diễm Thủy | Phó Chánh Thanh tra | Thạc sĩ Luật |
| 17 | Lê Hải Yến | Phó trưởng phòng HCTP và BTTP | Cử nhân Luật |
| 18 | Nguyễn Thị Hoa | Phó trưởng phòng XD, KT và TDTHPL | Thạc sĩ Luật |
| 19 | Phạm Thị Tường Viễn | Chuyên viên chính | Thạc sĩ Luật |
| 20 | Võ Thị Kim Hoan | Chuyên viên | Cử nhân Luật |
| 21 | Nguyễn Thị Cẩm Lai | Chuyên viên chính | Thạc sĩ Luật |
| 22 | Nguyễn Thị Cẩm Giang | Chuyên viên chính | Thạc sĩ Luật |
| 23 | Nguyễn Trần Đạt | Chuyên viên  | Cử nhân Luật |
| 24 | Trần Việt Ngữ | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN  | Cử nhân Luật |
| 25 | Đoàn Nhật Nam | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN | Cử nhân Luật |
| 26 | Trần Thị Thanh Hương | Chuyên viên chính | Thạc sĩ Luật |
| 27 | Hồng Thị Tràng | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN | Cử nhân Luật |
| 28 | Nguyễn Thị Thanh Thúy | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN | Cử nhân Luật |
| 29 | Bùi Thị Thuyết Anh | Trưởng phòng HC-TH, TT TGPLNN | Cử nhân Luật; lĩnh vực Pháp luật Dân sự - Hình sự |
| 30 | Võ Thị Hiếu | Phó TP Nghiệp vụ 2, TT TGPLNN | Cử nhân Luật; lĩnh vực Pháp luật Dân sự - Đất đai |
| 31 | Phạm Thị Hà Châu | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN | Thạc sỹ Luật; lĩnh vực Pháp luật Hình sự |
| 32 | Hà Thanh Đạt | Trợ giúp viên pháp lý, TT TGPLNN | Cử nhân Luật; lĩnh vực Pháp luật Hình sự |
| 33 | Nguyễn Tài Dân | Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | Cử nhân Luật; lĩnh vực đất đai |
| 34 | Nguyễn Thùy Dương | Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | Cử nhân Luật - Thạc sĩ Luật; lĩnh vực hình sự |
| 35 | Bùi Minh Nhất | Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | Cử nhân Luật; lĩnh vực hình sự |
| 36 | Trần Trung Hiếu | Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | Cử nhân Luật; lĩnh vực dân sự |
| 37 | Tiêu Thị Thu Tình | Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh | Cử nhân Luật; lĩnh vực dân sự |
|  | **Văn phòng UBND tỉnh (05 người)** |
| 38 | Nguyễn Quốc Việt | Chánh Văn phòng | Thạc sĩ Luật, lĩnh vực pháp luật về công tác nội chính |
| 39 | Lê Chí Phương | Phó Chánh Văn phòng  | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực pháp luật về tố tụng hành chính, xử phạt vi phạm hành chính |
| 40 | Nguyễn Đức Lợi | Phó trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh | Đại học Luật học |
| 41 | Nguyễn Thanh Hoài | Trưởng phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, kiêm Phó Giám đốc Trung tâm PVHCC tỉnh | Đại học Hành chính học, Thạc sĩ Quản lý công |
| 42 | Bùi Đăng Vương | Phó Trưởng phòng Nội chính | Thạc sĩ Luật học |
|  | **Sở Thông tin và Truyền thông (06 người)** |
| 43 | Trần Thanh Trường | Giám đốc Sở | Thạc sĩ CNTT; lĩnh vực Công nghệ thông tin, thông tin, báo chí, xuất bản |
| 44 | Huỳnh Thị Thu Thủy | Phó Giám đốc Sở | Cử nhân Báo chí; Lĩnh vực Thông tin-Báo chí- Xuất bản |
| 45 | Hoàng Duy | Chánh Thanh tra | Cử nhân Luật |
| 46 | Nguyễn Quốc Huy Hoàng | Trưởng phòng Công nghệ thông tin | Cử nhân Công nghệ thông tin |
| 47 | Phạm Thanh Lương | Phó TP Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Cử nhân Ngữ văn |
| 48 | Trần Duy Linh | Giám đốc Trung tâm CNTT và TT | Cử nhân Công nghệ thông tin |
|  | **Sở Tài chính (02 người)** |
| 49 | Phạm Hữu Thịnh | Phó Giám đốc Sở | Thạc sĩ Kế toán; lĩnh vực tài chính |
| 50 | Nguyễn Anh Nam | Phó Giám đốc Sở | Thạc sĩ Quản lý công; lĩnh vực tài chính |
|  | **Sở Nội vụ (12 người)** |
| 51 | Nguyễn Thái Hiệp | Phó Giám đốc Sở kiêm Trưởng ban Tôn giáo | Đại học Nông học; lĩnh vực tôn giáo |
| 52 | Phạm Thị Minh Phương | Trưởng Phòng Xây dựng chính quyền | Đại học Luật; lĩnh vực xây dựng chính quyền |
| 53 | Lê Quang Hùng | Chánh Thanh tra | Đại học Luật; lĩnh vực thanh tra |
| 54 | Trần Đình Dũng | Phó trưởng phòng Xây dựng chính quyền  | Đại học Quản lý nhà nước, Thạc sĩ Kinh tế; lĩnh vực xây dựng chính quyền |
| 55 | Võ Hữu Tích | Trưởng phòng Cải cách hành chính và công tác thanh niên | Đại học Kinh tế nông nghiệp; lĩnh vực CCHC và công tác thanh niên |
| 56 | Nguyễn Thanh Húy | Trưởng phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi chính phủ | Đại học Hành chính, Thạc sĩ Quản lý công; lĩnh vực tổ chức biên chế và tổ chức phi chính phủ |
| 57 | Nguyễn Hồng Hậu | Trưởng phòng Công chức, viên chức | Đại học Xã hội học; lĩnh vực Công chức, viên chức |
| 58 | Phạm Thị Thu Hà | Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng | Đại học Hành chính; lĩnh vực Thi đua, khen thưởng |
| 59 | Phạm Châu | Phó trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng | Đại học Ngữ văn, Đại học Luật; lĩnh vực TĐKT |
| 60 | Võ Thị Thanh Châu | Trưởng phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ | Thạc sĩ Lưu trữ học; lĩnh vực văn thư lưu trữ |
| 61 | Nguyễn Thị Thu Phương | Phó Trưởng phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ | - Thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng; Lĩnh vực văn thư, lưu trữ |
| 62 | Ngô Sâm | Phó Trưởng ban, Ban Tôn giáo | Đại học Kinh tế; Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo |
|   | **Sở Xây dựng (08 người)** |
| 63 | Phạm Hoàng Việt | Trưởng phòng Quy hoạch - Kiến trúc | Thạc sĩ kiến trúc sư; lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc và phát triển đô thị |
| 64 | Bùi Anh Tuấn | Trưởng phòng Quản lý chất lượng và vật liệu xây dựng | Thạc sĩ kỹ sư xây dựng; lĩnh vực chất lượng công trình, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng kinh tế xây dựng và vật liệu xây dựng |
| 65 | Huỳnh Văn Viện | Phụ trách phòng Quản lý hoạt động xây dựng | Thạc sĩ kỹ sư xây dựng; lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng |
| 66 | Nguyễn Văn Vinh | Phó Chánh Thanh tra Sở | Thạc sĩ kỹ sư xây dựng; lĩnh vực trật tự xây dựng |
| 67 | Tạ Hoàng Trưng | Trưởng phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản | Thạc sĩ kỹ thuật Công trình xây dựng |
| 68 | Đào Thị Lệ Thắm | Chánh Thanh tra Sở | Cử nhân Luật |
| 69 | Phạm Quang Thuận | Trưởng phòng Quản lý xây dựng | Thạc sĩ Xây dựng |
| 70 | Phạm Việt Hà | Trưởng phòng Quy hoạch, kiến trúc | Thạc sĩ kiến trúc |
|   | **Sở Công Thương (08 người)** |
| 71 | Dương Tuấn Anh | Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực kỹ thuật an toàn - môi trường ngành công nghiệp và thương mại |
| 72 | Nguyễn Thành Nam | Chánh Thanh tra Sở | Thạc sĩ Kinh tế phát triển; lĩnh vực Thanh tra chuyên ngành công nghiệp và thương mại |
| 73 | Nguyễn Thị Phương Tâm | Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Quản lý công nghiệp | Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm; lĩnh vực quản lý công nghiệp |
| 74 | Kiều Văn Dũng | Trưởng phòng Quản lý thương mại | Cử nhân Luật; lĩnh vực quản lý thương mại |
| 75 | Trương Ngọc Trọng | Trưởng phòng Quản lý năng lượng | Thạc sĩ Điện kỹ thuật; lĩnh vực quản lý năng lượng |
| 76 | Nguyễn Trung Trực | Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường | Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học; lĩnh vực kỹ thuật an toàn – Môi trường ngành công nghiệp và thương mại |
| 77 | Nguyễn Thúy Khanh | Phó trưởng phòng kỹ thuật an toàn – Môi trường | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm; lĩnh vực quản lý công nghiệp thực phẩm |
| 78 | Nguyễn Duy Thanh | Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Quản lý xuất nhập khẩu | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực quản lý xuất nhập khẩu |
|   | **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (06 người)** |
| 79 | Huỳnh Việt Hùng | Trưởng phòng Dạy nghề | Thạc sĩ kinh tế phát triển; lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp |
| 80 | Nguyễn Thị Nhã | Phó trưởng phòng Lao động tiền lương - BHXH | ĐH Tài chính kế toán; lĩnh vực Pháp luật lao động, pháp luật bảo hiểm xã hội |
| 81 | Lê Thị Thiên Kiều | Thanh tra viên | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực Thanh tra |
| 82 | Bùi Thị Việt Hà | Phó trưởng phòng Việc làm - ATLĐ | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực Việc làm - ATLĐ |
| 83 | Nguyễn Minh Tuấn | Phó trưởng phòng Việc làm - ATLĐ | Kỹ sư Nhiệt điện lạnh; lĩnh vực Việc làm - ATLĐ |
| 84 | Nguyễn Thái Long | Chánh Thanh tra Sở | Đại học Kinh tế - Lao động; lĩnh vực pháp luật lao động |
|   | **Sở Kế hoạch và Đầu tư (02 người)** |
| 85 | Võ Thành Tuấn | Phó Trưởng phòng | Kỹ sư xây dựng; lĩnh vực đấu thầu, thẩm định và giám sát dự án đầu tư công |
| 86 | Nguyễn Ngọc Hưng | Chuyên viên | Cử nhân kinh tế - chính trị; lĩnh vực đầu tư ngoài ngân sách |
|   | **Sở Tài nguyên và Môi trường (06 người)** |
| 87 | Đỗ Sáu | Phó Giám đốc Sở | Đại học |
| 88 | Nguyễn Quốc Tân | Phó Giám đốc Sở | Thạc sĩ |
| 89 | Hà Văn Dương | Phó trưởng phòng Quản lý Đất đai | Kỹ sư Trắc địa; lĩnh vực đất đai |
| 90 | Châu Phong | Phó trưởng phòng phụ trách phòng Biển và Hải đảo | Cử nhân Kinh tế; lĩnh vực Biển và Hải đảo |
| 91 | Đoàn Hùng Chương | Phó trưởng phòng phụ trách phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước | Thạc sĩ Địa chất thăm dò khoáng sản; lĩnh vực Khoáng sản |
| 92 | Võ Ngọc Dũng | Phó Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường | Kỹ sư Môi trường, Thạc sĩ Biến đổi khí hậu; lĩnh vực Môi trường |
|   | **Sở Giáo dục và Đào tạo (16 người)** |
| 93 | Nguyễn Văn Tâm | Phó Giám đốc Sở | Thạc sĩ Địa lý; lĩnh vực giáo dục và đào tạo, quyền con người |
| 94 | Trần Thị Kim Nhạn | Trưởng phòng | Thạc sĩ Quản lý giáo dục; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, HN&GĐ |
| 95 | Huỳnh Trung Sơn | Chuyên viên | Thạc sĩ Sử - Chính trị |
| 96 | Cao Thanh Phương | Chuyên viên phụ trách công tác pháp chế, Văn phòng Sở | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về Thi đua - Khen thưởng ngành giáo dục đào tạo |
| 97 | Huỳnh Tấn Tuấn | Phó Hiệu trưởng | Thạc sĩ Giáo dục chính trị |
| 98 | Huỳnh Công Tuấn | Giáo viên | Cử nhân Sử - Chính trị |
| 99 | Từ Thị Thân | Giáo viên | Cử nhân Giáo dục chính trị |
| 100 | Phạm Văn Hiệp | Giáo viên | Cử nhân Giáo dục chính trị |
| 101 | Phan Thị Minh Thường | Giáo viên | Thạc sĩ Giáo dục chính trị |
| 102 | Lê Ngọc Pháp | Chuyên viên | Cử nhân Ngữ văn |
| 103 | Phan Thị Hồng Giỏi | Giáo viên | Cử nhân Giáo dục chính trị |
| 104 | Nguyễn Văn Thắng | Giáo viên | Cử nhân Lịch sử |
| 105 | Trần Ngọc Đấu | Giáo viên | Cử nhân Lịch sử |
| 106 | Lê Thị Hiển | Giáo viên | Cử nhân Sử - Chính trị |
| 107 | Mai Tiến Hưng | Giáo viên | Cử nhân Lịch sử |
| 108 | Đỗ Thị Thanh Hà | Giáo viên | Cử nhân Giáo dục chính trị |
|   | **Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (10 người)** |
| 109 | Nguyễn Tiến Dũng | Giám đốc Sở | Cử nhân khoa học |
| 110 | Bùi Văn Tiến | Phó Giám đốc Sở | Cử nhân hành chính, Bác sĩ chuyên khoa I |
| 111 | Nguyễn Chí Thanh | Chánh Văn phòng | Cử nhân Chuyên ngành kế toán |
| 112 | Đặng Tấn Khôi | Trưởng phòng Quản lý Văn hóa | Thạc sĩ Hành chính công |
| 113 | Võ Thị Thảo | Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hóa | Thạc sĩ Quản lý Văn hóa |
| 114 | Phạm Minh Đát | Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hóa | Cử nhân sáng tác lý luận âm nhạc |
| 115 | Phạm Ngọc Hồng | Phó Trưởng phòng Quản lý thể thao | Cử nhân Thể dục thể thao |
| 116 | Lê Thị Thanh Nga | Thanh tra viên | Thạc sĩ Luật |
| 117 | Võ Thị Ngọc Trâm | Chuyên viên Phòng Quản lý du lịch | Cử nhân Việt Nam học |
| 118 | Thân Thị Hồng Phượng | Phó Trưởng phòng HC-TH, Bảo tàng tổng hợp tỉnh | Cử nhân Khoa học lịch sử |
|   | **Sở Khoa học và Công nghệ (05 người)** |
| 119 | Phan Thị Cẩm Vân | Phó Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm - sinh học, Thạc sĩ Quản lý công; lĩnh vực Quản lý Sở hữu trí tuệ |
| 120 | Hồ Ngọc Thanh | Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Kỹ sư Hợp chất cao phân tử; lĩnh vực Quản lý Đo lường |
| 121 | Huỳnh Thị Phương Thu | Phó Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Kỹ sư công nghệ thực phẩm, sinh học, cử nhân Luật học, cử nhân Ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm và Đồ uống; lĩnh vực Quản lý Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa |
| 122 | Võ Thị Thúy Nga | Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học | Cử nhân Anh ngữ; lĩnh vực Quản lý Khoa học |
| 123 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp | Cử nhân Kinh tế - Nông lâm, cử nhân Kế toán; lĩnh vực Quản lý tài chính trong lĩnh vực khoa học công nghệ  |
|   | **Sở Ngoại vụ (03 người)** |
| 124 | Huỳnh Thị Phương Hoa | Giám đốc | Cử nhân Ngoại ngữ; lĩnh vực đối ngoại nhân dân, ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế, thu hút nguồn lực |
| 125 | Nguyễn Văn Thành | Phó Giám đốc  | Cử nhân Ngoại ngữ, Thạc sĩ hành chính công |
| 126 | Trương Hoàng Anh | Trưởng phòng Phòng Lễ Tân - Lãnh sự - Báo chí | Cử nhân Ngoại ngữ, Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quan hệ Quốc tế; lĩnh vực Ngoại giao, công tác lễ tân, lãnh sự, biển - đảo, bảo hộ công dân... |
|   | **Sở Giao thông vận tải (21 người)** |
| 127 | Võ Phiến | Phó Giám đốc Sở | Thạc sỹ |
| 128 | Nguyễn Hữu Đoan | Giám đốc Ban quản lý cảng và cảng vụ đường thuỷ nội địa | Đại học luật |
| 129 | Huỳnh Đức Thọ | Trưởng phòng | Đại học |
| 130 | Mai Văn Hà | Trưởng phòng | Đại học |
| 131 | Lê Nguyễn Tấn Phú | Trưởng phòng | Đại học |
| 132 | Lê Tấn Hải | Chánh Thanh tra Sở | Đại học |
| 133 | Lê Thị Thanh Nga | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ |
| 134 | Nguyễn Văn Loan | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ |
| 135 | Huỳnh Minh Đạo | Phó chánh Văn phòng | Đại học |
| 136 | Phạm Ngọc Sang | Chuyên viên | Đại học |
| 137 | Tạ Nguyên Khang | Chuyên viên | Đại học |
| 138 | Nguyễn Minh Trinh | Thanh tra viên | Đại học |
| 139 | Nguyễn Ngọc Thịnh | Phó trưởng phòng | Kỹ sư xây dựng cầu đường; lĩnh vực về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông |
| 140 | Võ Văn Duy | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ cơ khí động lực; lĩnh vực về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; đào tạo, sát hạch, cấp GPLX |
| 141 | Phạm Quốc Quân | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ xây dựng cầu đường; lĩnh vực về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; đào tạo, sát hạch, cấp GPLX |
| 142 | Trần Hoài Bình | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ xây dựng cầu đường; lĩnh vực về quản lý đầu tư xây dựng công trình |
| 143 | Nguyễn Tiến Hùng | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ xây dựng cầu đường; lĩnh vực về quản lý dự án |
| 144 | Nguyễn Công Duy | Chuyên viên | Kỹ sư cơ khí động lực; lĩnh vực về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; đào tạo, sát hạch, cấp GPLX |
| 145 | Đoàn Anh Hải | Thanh tra viên | Cử nhân Luật; lĩnh vực thanh tra chuyên ngành GTVT |
| 146 | Huỳnh Sơn Thạch | Thanh tra viên | Kỹ sư cầu đường; lĩnh vực thanh tra chuyên ngành GTVT |
| 147 | Huỳnh Long Hạnh | Chuyên viên Thanh tra Sở | Cử nhân luật; lĩnh vực thanh tra chuyên ngành GTVT |
|   | **Thanh tra tỉnh (17 người)** |
| 148 | Phạm Xuân Duệ | Chánh Thanh tra  | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 149 | Trần Văn Thừa | Phó Chánh Thanh tra  | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 150 | Cao Đình Hòa  | Phó Chánh Thanh tra | Cử nhân Khoa học, CN hành chính, Thạc sỹ chính sách công; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 151 | Nguyễn Hải Nam | Phó Chánh Thanh tra  |  Cử nhân Luật, Thạc sỹ Luật; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN  |
| 152 | Lê Tuấn Nhân |  Phòng Nghiệp vụ 3 | Cử nhân Quản lý kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 153 | Trà Văn Dục | Văn phòng | Cử nhân Tài chính, Thạc sĩ quản lý kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 154 | Lương Quốc Việt | Phòng Nghiệp vụ 2 | Cử nhân Kế toán kiểm toán, Thạc sĩ QTKD; lĩnh vực pháp luật về thanh tra,tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 155 | Phạm Hoàng Vân | Phòng Nghiệp vụ 3 | Kỹ sư, Thạc sỹ xây dựng chuyên ngành công trình thủy lợi;lĩnh vực pháp luật về thanh tra,tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 156 | Huỳnh Quyền Khoa | Phòng Nghiệp vụ 2 | Đại học; lĩnh vực pháp luật về thanh tra,tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 157 | Hoàng Thị Ngọc Hà | Phòng Nghiệp vụ 3 | Cử nhân Tài chính-Ngân hàng và Cử nhân Luật; lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 158 | Đỗ Hoàng Phi | Phó Trưởng phòng | Cử nhân TC-NH, Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 159 | Nguyễn Thị Kiều Thu | Thanh tra viên | Cử nhân Kế toán - kiểm toán; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 160 | Trần Kim Tuấn | Phó Chánh Văn phòng  | CN Tin học, CN Thanh tra; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 161 | Phạm Nguyễn Tuyết Minh | Phó Chánh Văn phòng  | Cử nhân Quản lý đất đai; CN Luật; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN  |
| 162 | Phạm Xuân Triều | Thanh tra viên  | CN Tài chính - Ngân hàng; Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 163 | Võ Thị Thu Hà | Thanh tra viên  | CN Tài chính - Ngân hàng; Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
| 164 | Hồ Nữ Ngọc Thoa | Thanh tra viên  | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và PCTN |
|   | **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (26 người)** |
| 165 | Nguyễn Văn Năm | Phó chánh Văn phòng Sở | Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản |
| 166 | Võ Đoàn | Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi | Thạc sĩ xây dựng công trình thủy |
| 167 | Lê Viết Bình | Chuyên viên Chi cục Thủy lợi | Thạc sĩ xây dựng công trình thủy |
| 168 | Nguyễn Văn Mười | Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Khai thác Hàng hải - thủy sản  |
| 169 | Đỗ Thị Thu Đông | Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản |
| 170 | Lê Thị Ngọc Hà | Trưởng phòng Nuôi trồng thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Thủy sản |
| 171 | Nguyễn Minh Tú | Phó trưởng phòng phụ trách phòng Thanh tra, pháp chế thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Khai thác Hàng hải - thủy sản |
| 172 | Tạ Công Cuộc | Giám đốc Trung tâm đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Cơ khí tàu thuyền thủy sản |
| 173 | Tạ Ngọc Thi | Trưởng phòng Tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Cơ khí tàu thuyền thủy sản |
| 174 | Ngô Văn Thông | Trưởng phòng Thanh tra, pháp chế thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Thạc sĩ bảo vệ thực vật |
| 175 | Ngô Thị Mỹ Hạnh | Chuyên viên phòng Thanh tra, pháp chế thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Kỹ sư bảo vệ thực vật |
| 176 | Nguyễn Đức Bình | Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản | Thạc sỹ Nuôi trồng thủy sản |
| 177 | Đặng Tấn Thương | Trưởng phòng Quản lý chất lượng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản | Kỹ sư Bảo quản, Chế biến nông sản |
| 178 | Nguyễn Công Huy Thuận | Chuyên viên Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản | Kỹ sư Nông học |
| 179 | Võ Diệu Hiền | Phó trưởng phòng Hành chính - Thanh tra - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Kỹ sư Bảo vệ thực vật; lĩnh vực bảo vệ thực vật |
| 180 | Huỳnh Ngọc Dũng | Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn | Kỹ sư Công nghệ chế biến thực phẩm; lĩnh vực thủy sản |
| 181 | Phạm Duy Hưng | Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm  | Thạc sĩ Lâm nghiệp; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 182 | Ngô Vĩnh Phong | Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm | Kỹ sư nông nghiệp; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 183 | Phạm Ngọc Hải Hùng | Trưởng Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm | Kỹ sư lâm nghiệp; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 184 | Nguyễn Thị Kim Phi | Phó trưởng Phòng Sử dụng và Phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm | Thạc sĩ lâm nghiệp; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 185 | Nguyễn Hữu Phước | Trưởng Phòng Thanh tra, pháp chế và Tuyên truyền thuộc Chi cục Kiểm lâm | Kỹ sư lâm nghiệp; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 186 | Huỳnh Xuân Vỹ | Phó trưởng Phòng Thanh tra, pháp chế và Tuyên truyền thuộc Chi cục Kiểm lâm | Kỹ sư lâm nghiệp, Cử nhân Luật; lĩnh vực lâm nghiệp |
| 187 | Nguyễn Thế Vinh | Phó trưởng phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Cơ khí tàu thuyền; lĩnh vực quản lý tàu cá và công tác kiểm ngư |
| 188 | Phạm Quang Dũng | Chuyên viên phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Khai thác hàng hải thủy sản; lĩnh vực khai thác thủy sản và công tác kiểm ngư |
| 189 | Trần Đình Long  | Phó trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Khai thác thủy sản; lĩnh vực khai thác thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản |
| 190 | Trần Văn Phú | Phó giám đốc Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản | Kỹ sư Cơ khí động lực; lĩnh vực an toàn kỹ thuật tàu cá và quản lý tàu cá |
|   | **Sở Y tế (13 người)** |
| 191 | Phạm Minh Đức  | Giám đốc  | Bác sĩ Y đa khoa; Bác sĩ CK1 Nội khoa |
| 192 | Lê Báy | Phó Giám đốc  | Bác sĩ Y đa khoa; Thạc sỹ y khoa, Bác sĩ CK2 Quản lý Y tế |
| 193 | Nguyễn Hoàng Hải | Phó Giám đốc  | Thạc sỹ y khoa, Bác sĩ CK2 Nội thần kinh  |
| 194 | Phan Thanh Bảng | Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược | Dược sĩ CK1 |
| 195 | Bùi Thị Tố Tâm | Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | Bác sĩ Răng hàm mặt; Bác sĩ CK1 Y học dự phòng |
| 196 | Phạm Đức Dũng | Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | Bác sĩ Y đa khoa; Bác sĩ CK1 Y học dự phòng |
| 197 | Nguyễn Thị Tiết | Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | Bác sĩ Y đa khoa; Bác sĩ CK1 Nội |
| 198 | Nguyễn Văn Oai | Chi cục trưởng Chi cục DS-KHHGĐ | Bác sĩ Y đa khoa; Thạc sĩ Y học |
| 199 | Đặng Chính | Chi cục trưởng Chi cục Vệ sinh ATTP | Bác sĩ Y đa khoa; Thạc sĩ Nhi |
| 200 | Võ Văn Văn | Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y  | Bác sĩ Y đa khoa, Bác sĩ CK2 Quản lý Y tế |
| 201 | Phan Minh Đan | Phó Giám đốc  | Thạc sỹ, Bác sỹ hồi sức cấp cứu  |
| 202 | Trịnh Tuấn Sỹ  | Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ | Thạc sỹ Y tế công cộng |
| 203 | Võ Thanh Tân  | Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật  | Bác sỹ chuyên khoa II |
|   | **Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (01 người)**  |
| 204 | Đỗ Xuân Hùng | Phó Giám đốc | Cử nhân Ngữ văn |
|   | **Ban Dân tộc tỉnh (02 người)** |
| 205 | Đỗ Minh Hải | Phó trưởng Ban dân tộc | Thạc sĩ Quản lý đất đai; lĩnh vực Chính sách dân tộc và miền núi |
| 206 | Đinh Mạnh Bình | Chánh Thanh tra | Thạc sĩ Hành chính công |
|   | **BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (03 người)** |
| 207 | Huỳnh Văn Giỏi | Trưởng phòng Hỗ trợ và Giám sát hoạt động đầu tư | Cử nhân Luật |
| 208 | Lê Văn Đời | Chánh Văn phòng | Thạc sĩ Luật |
| 209 | Đào Thị Lệ Hương | Phó Chánh Văn phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực dân sự, hành chính, kinh tế |
|   | **Liên đoàn lao động tỉnh (04 người)** |
| 210 | Vũ Hoài Phương | Phó Chủ tịchLiên đoàn lao động tỉnh | Thạc sĩ QTKD, cử nhân Ngoại ngữ; lĩnh vực về lao động và công đoàn |
| 211 | Huỳnh Thị Hồng Trâm | UV BTV, Trưởng Ban Tuyên giáo - Nữ công | Cử nhân ngữ văn; lĩnh vực lao động và công đoàn |
| 212 | Võ Văn Tân | UV BCH, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo - Nữ công | Cử nhân tin học, Thạc sĩ quản lý công; lĩnh vực lao động và công đoàn |
| 213 | Hồ Thị Lệ Thủy | Chuyên viên Ban Chính sách, pháp luật và Quan hệ lao động  | Cử nhân Luật; lĩnh vực lao động và công đoàn |
|   | **Hội Cựu chiến binh tỉnh (01 người)** |
| 214 | Lê Văn Chương | Chánh Văn phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực hình sự |
|   | **UBMTTQ Việt Nam tỉnh (03 người)** |
| 215 | Nguyễn Bá Minh | Phó Chủ tịch | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực hoạt động giám sát, phản biện xã hội, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. |
| 216 | Lê Văn Phước | Phó Trưởng Ban  | Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính; lĩnh vực hoạt động giám sát, phản biện xã hội, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. |
| Ban Dân chủ - Pháp luật |
| 217 | Phan Đình Thắng | Uỷ viên Thường trực, Trưởng Ban Dân chủ - Pháp luật  | Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam, Cử nhân Lịch sử, Cử nhân Hành chính; lĩnh vực về hoạt động giám sát, phản biện xã hội, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực |
|   | **Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh (02 người)** |
| 218 | Lê Thị Thúy Phượng | Trưởng ban Chính sách pháp luật | Cử nhân Luật |
| 219 | Nguyễn Thị Thu Ngân | Chuyên viên Ban Tổ chức - Chính sách luật pháp  | Đại học kinh tế, chuyên ngành kinh tế phát triển |
|   | **Tỉnh đoàn (02 người)** |
| 220 | Lê Văn Vin | Phó Bí thư | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; giáo dục lý tưởng và cách mạng cho Đoàn viên thanh thiếu nhi |
| 221 | Trần Đăng Minh | Phó Bí thư | Cử nhân Kỹ sư điện lạnh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực tuyên truyền, định hướng và giáo dục pháp luật trong đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi |
|   | **Hội Luật gia tỉnh (04 người)** |
| 222 | Nguyễn Chín | Chủ tịch Hội | Cử nhân Luật và cử nhân Ngữ văn |
| 223 | Hà Văn Huy | Phó Chủ tịch Thường trực | Cử nhân Luật |
| 224 | Bùi Thị Lệ Thủy | Nguyên Chủ tịch Hội, Luật sư hợp đồng tại Trung tâm tư vấn pháp luật | Cử nhân Luật và cử nhân Kinh tế |
| 225 | Phạm Văn Việt | Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật | Cử nhân Luật |
|   | **BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh (05 người)** |
| 226 | Đoàn Thanh Long | Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng | Cử nhân Luật |
| 227 | Trịnh Chí Tàu | Thượng tá, Trưởng phòng phòng, chống ma túy và tội phạm | Đại học Cảnh sát |
| 228 | Nguyễn Ngọc Thanh | Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng kiêm Trưởng ban Tác huấn | Cử nhân Luật |
| 229 | Lê Thành Trung | Thượng tá, Phó trưởng phòng phòng, chống ma túy và tội phạm | Đại học Biên phòng |
| 230 | Vũ Văn Huy | Trợ lý Pháp chế kiêm hành chính - Văn phòng  | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia |
|   | **Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (11 người)** |
| 231 | Võ Tấn Tài | Đại tá, Chính ủy | ĐH xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước |
| 232 | Trần Thế Phan | Thượng tá, Chỉ huy trưởng | Cử nhân KHQS |
| 233 | Trịnh Công Sơn | Đại tá, Chủ nhiệm chính trị | ĐH xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước |
| 234 | Nguyễn Tấn Quang | Thượng tá, Phó Chủ nhiệm chính trị | ĐH xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước |
| 235 | Nguyễn Thành Tài | Thượng tá, Phó Chủ nhiệm chính trị | ĐH xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước |
| 236 | Đào Thanh Phương | Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng | Cử nhân KHQS |
| 237 | Hồ Anh Tuấn | Thượng tá, Chánh Thanh tra Quốc phòng | Thạc sĩ Luật |
| 238 | Lê Nam Hồng | Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng  | Cử nhân Khoa học quân sự; lĩnh vực về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương |
| 239 | Hồ Ngọc Hiên | Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng | Cử nhân Khoa học quân sự; lĩnh vực về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương |
| 240 | Nguyễn Thanh Liêm | Trung tá, Phó Chánh văn phòng | Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế |
| 241 | Lê Hữu Duy | Thượng tá, Chủ nhiệm Chính trị | Đại học xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; lĩnh vực về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương |
|   | **Công an tỉnh** **(70 người)** |
| 242 | Trần Văn Mạnh | Đại tá, Phó Giám đốc | Thạc sĩ Luật |
| 243 | Lê Xuân Hưng | Đại tá, Phó Giám đốc  | Thạc sĩ CSND |
| 244 | Võ Văn Dương | Đại tá, Phó Giám đốc | Thạc sĩ Luật |
| 245 | Lương Việt Long | Trưởng phòng | Thạc sĩ CSND; lĩnh vực tham mưu tổng hợp |
| 246 | Nguyễn Xuân Trà | Trung tá, Phó trưởng phòng | ĐH ANND  |
| 247 | Đào Thái Sang | Trung tá, Đội trưởng | Thạc sĩ |
| 248 | Trương Thị Kim Thoa | Trung tá, Đội trưởng | ĐH CSND |
| 249 | Võ Tất Thành | Đại tá, Trưởng phòng | Học viện ANND |
| 250 | Huỳnh Tấn Vũ | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Thạc sĩ Luật |
| 251 | Võ Minh Tâm | Thượng tá, Phó trưởng phòng | ĐH ANND |
| 252 | Nguyễn Ngọc Thạnh | Thượng tá, Phó trưởng phòng | ĐH ANND |
| 253 | Nguyễn Thanh Mãn | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Thạc sỹ luật |
| 254 | Nguyễn Xuân Viên | Thượng tá, Phó trưởng phòng | ĐH Luật |
| 255 | Lê Hải Anh | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Đại học Ngoại ngữ |
| 256 | Đặng Văn Nam | Thượng tá, Trưởng phòng | Đại học CSND |
| 257 | Bùi Minh Đức | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Đại học CSND |
| 258 | Đỗ Phi Hùng | Thượng tá, Trưởng phòng | Đại học CSND |
| 259 | Trần Minh Thành | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Thạc sĩ |
| 260 | Nguyễn Anh Tuấn | Thượng tá, Trưởng phòng | Thạc sỹ Luật |
| 261 | Huỳnh Quang Phước | Thiếu tá, Đội trưởng | ĐH CSND |
| 262 | Phạm Minh Thọ | Thượng tá, Trưởng phòng | Thạc sĩ |
| 263 | Dương Đình Minh | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Đại học CSND |
| 264 | Phạm Quang Tuấn | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Cử nhân |
| 265 | Phạm Thị Thu Hương | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Thạc sĩ Luật |
| 266 | Lê Hữu Nhân | Thượng tá, Phó trưởng phòng | ĐH Luật |
| 267 | Huỳnh Phước Huy | Thiếu tá, Đội trưởng | Đại học Cảnh sát nhân dân |
| 268 | Hà Văn Thuộc | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Cử nhân Luật |
| 269 | Huỳnh Ngọc Dũng | Thượng tá, Trưởng phòng | Cử nhân Luật |
| 270 | Huỳnh Tiến Dũng | Đại tá, Trưởng phòng | ĐH CSND |
| 271 | Phan Tuấn | Thượng tá, Trưởng phòng | ĐH ANND |
| 272 | Nguyễn Văn Điệu | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Cử nhân luật |
| 273 | Nguyễn Thanh Xuân | Thượng tá, Trưởng phòng | Cử nhân Tin học |
| 274 | Cao Bình Nguyên | Thượng tá, Phó trưởng phòng | Cử nhân Luật |
| 275 | Trần Minh Hưng | Trưởng phòng | Thạc sĩ; lĩnh vực Công tác bảo vệ bí mật nhà nước |
| 276 | Phạm Văn Châu | Phó trưởng phòng | Cử nhân Luật, Công tác an ninh đối ngoại |
| 277 | Nguyễn Thị Minh Tâm | Đội trưởng | Cử nhân Đại học sư phạm; lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý CCCD |
| 278 | Bùi Sơn | Phó trưởng phòng | Cử nhân Đại học ANND; lĩnh vực Thi hành án hình sự tại cấp xã và công tác tái hòa nhập cộng đồng |
| 279 | Nguyễn Thọ Thanh | Trưởng phòng | Thạc sĩ ĐTTP XPANQG; lĩnh vực an ninh kinh tế |
| 280 | Phạm Việt Hải | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực an ninh y tế, giáo dục, khoa học, lao động, xã hội |
| 281 | Lê Trung Chiến | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật ; lĩnh vực an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao |
| 282 | Đoàn Dương | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm |
| 283 | Tạ Thanh Bình | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 284 | Vũ Chí Dũng | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực tham mưu, quản lý, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác hồ sơ nghiệp vụ CAND |
| 285 | Đặng Tấn Vinh | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực phòng, chống ma tuý |
| 286 | Phạm Chí Hân | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực phòng, chống ma tuý |
| 287 | Dương Hiển Công Lực | Đội trưởng | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền điều tra, giải quyết tai nạn và xử lý vi phạm giao thông |
| 288 | Đoàn Thanh Vũ | Đội trưởng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật và tuyên truyền pháp luật |
| 289 | Trần Quốc Huy | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật; lĩnh vực Quản lý hành chính về trật tự, xã hội |
| 290 | Đỗ Tấn Linh | Phó Trưởng phòng | Cử nhân Luật, cử nhân Ngoại ngữ; lĩnh vực an ninh trật tự |
| 291 | Võ Thanh Việt | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ ANND; lĩnh vực an ninh đối nội |
| 292 | Phạm Quốc Việt | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ CSND; lĩnh vực điều tra tội phạm về trật tự xã hội |
| 293 | Bùi Thanh Vũ | Phó Đội trưởng  | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp chế, cải cách hành chính, tư pháp |
| 294 | Ngô Văn Đức | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực phòng chống tội phạm |
| 295 | Trần Trọng Đại | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực quản lý xuất cảnh, nhập cảnh |
| 296 | Nguyễn Đình Khải | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực quản lý xuất cảnh, nhập cảnh |
| 297 | Nguyễn Thị Thuận | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực quản lý xuất cảnh, nhập cảnh |
| 298 | Trần Thanh Tùng | Phó Trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực phòng chống tội phạm |
| 299 | Nguyễn Duy Nhơn | Đội trưởng | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp chế, cải cách hành chính, tư pháp |
| 300 | Nguyễn Tiến Dũng | Đội trưởng | Cử nhân Luật; lĩnh vực phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ |
| 301 | Nguyễn Thị Thu Phương | Phó Đội trưởng | Cử nhân Luật; lĩnh vực phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ |
| 302 | Lê Tuấn | Phó Trưởng phòng, Phòng An ninh đối ngoại | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền, phòng chống gián điệp |
| 303 | Lê Xuân Sơn | Phó Trưởng phòng, Văn phòng CQCSĐT | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực tuyên truyền phòng, chống tội phạm |
| 304 | Huỳnh Thanh Hải | Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực tuyên truyền về PCCC và CNCH |
| 305 | Nguyễn Anh Tuấn | Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền về PCCC và CNCH |
| 306 | Mai Như Đoàn | Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền về PCCC và CNCH |
| 307 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền về PCCC và CNCH |
| 308 | Trương Quang Vũ | Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH  | Cử nhân Luật; lĩnh vực tuyên truyền QLHC về TTXH |
| 309 | Bùi Thế vương | Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH  | Thạc sĩ Tội phạm học; lĩnh vực tuyên truyền QLHC về TTXH |
| 310 | Nguyễn Thị Kim Phượng | Thủ trưởng, Cơ quan Uỷ ban kiểm tra Đảng ủy | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực tuyên truyền, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát Đảng |
| 311 | Nguyễn Thành Long | Phó Thủ trưởng, Cơ quan Uỷ ban kiểm tra Đảng ủy | Thạc sĩ Điều tra trinh sát; lĩnh vực tuyên truyền, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát Đảng |
|   | **Cục Thuế tỉnh (10 người)** |
| 312 | Bùi Khánh Toàn | Cục trưởng | Thạc sĩ KD&QL; lĩnh vực chính sách thuế |
| 313 | Võ Hùng | Phó Cục trưởng | Cử nhân; lĩnh vực chính sách thuế |
| 314 | Đinh Thiên Khanh | Phó Cục Trưởng | Cử nhân lĩnh vực chính sách Thuế |
| 315 | Nguyễn Đức Thanh | Trưởng phòng | Cử nhân; lĩnh vực chính sách thuế |
| 316 | Đặng Thị Lai Thành | Trưởng phòng | Cử nhân; lĩnh vực chính sách thuế |
| 317 | Nguyễn Đức Nhuận | Trưởng phòng | Cử nhân, lĩnh vực chính sách thuế |
| 318 | Tạ Đình Khải | Trưởng phòng | Cử nhân, lĩnh vực chính sách thuế |
| 319 | Trần Quốc Anh | Trưởng phòng | Cử nhân, lĩnh vực chính sách thuế |
| 320 | Nguyễn Văn Thời | Trưởng phòng | Cử nhân, lĩnh vực chính sách thuế |
| 321 | Trần Thị Phương Nam | Phó trưởng Phòng | Cử nhân, lĩnh vực chính sách thuế |
|   | **Cục Hải quan tỉnh (02 người)** |
| 322 | Lý Văn Đông | Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Dung Quất | Thạc sĩ |
| 323 | Nguyễn Thị Minh Hạnh | Phó trưởng phòng | Đại học Luật |
|   | **Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (03 người)** |
| 324 | Phùng Thanh Liễu | Trưởng phòng | Cử nhân Luật |
| 325 | Bùi Thị Thanh Hiền | Phó trưởng phòng | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực Dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại, lao động… |
| 326 | Trịnh Thùy Vi | Phó Trưởng phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự | Cử nhân Luật; lĩnh vực hình sự |
|   | **Cục Thi hành án dân sự tỉnh (02 người)** |
| 327 | Võ Văn Xông | Cục trưởng | Đại học Luật |
| 328 | Phạm Văn Khánh | Trưởng phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án | Đại học Luật |
|   | **Chi nhánh ngân hàng nhà nước tỉnh (01 người)** |
| 329 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ | Cử nhân chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực Ngân hàng |
|   | **Liên minh Hợp tác xã (09 người)** |
| 330 | Lê Hạnh | Chủ tịch | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực Luật Hợp tác xã, các chính sách pháp luật liên quan đến HTX |
| 331 | Lê Mân | Phó Chủ tịch | Kỹ sư Nông lâm; lĩnh vực Luật Hợp tác xã, các chính sách pháp luật liên quan đến HTX |
| 332 | Hồ Quý Nhân | Phó Chủ tịch  | Thạc sĩ kinh tế; lĩnh vực Hợp tác xã |
| 333 | Đinh Duy Sung | Phó Chủ tịch | Kỹ sư nông nghiệp, lĩnh vực Luật Hợp tác xã |
| 334 | Đỗ Việt Tuấn  | Trưởng ban phong trào | Thạc sĩ quản lý giáo dục; lĩnh vực Luật Hợp tác xã, các chính sách pháp luật liên quan đến HTX |
| 335 | Nguyễn Thị Minh Thư | Trưởng ban kiểm tra | ĐH Quản trị kinh doanh; lĩnh vực Luật Hợp tác xã |
| 336 | Nguyễn Thị Bình | Giám đốc trung tâm | Cử nhân kinh tế, lĩnh vực Luật Hợp tác xã |
| 337 | Đức Thị Thủy | Phụ trách Văn phòng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực Luật Hợp tác xã |
| 338 | Nguyễn Đoàn Cẩm Vân | Kế toán | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực Luật Hợp tác xã |
|   | **Cục Quản lý thị trường (20 người)** |   |
| 339 | Trần Xuân Thương | Cục Trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 340 | Dương Hiển Hùng | Phó Cục trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 341 | Phạm Thị Hồng Thanh | Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về công tác tổ chức cán bộ, tài chính, thi đua khen thưởng, bí mật nhà nước |
| 342 | Tạ Thị Thùy Sương | Phó Trưởng phòng TCHC | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực pháp luật về công tác tổ chức cán bộ, tài chính, thi đua khen thưởng, bí mật nhà nước  |
| 343 | Võ Năng Chuyên | Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 344 | Hoàng Thị Thanh Thủy | Kiểm soát viên thị trường Phòng NVTH | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 345 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Phó Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực |
| 346 | Huỳnh Thị Thu Hà | Kiểm soát viên thị trường Phòng TTPC | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về tiếp công dân, xử lý, đơn thư, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực |
| 347 | Đỗ Văn Nhàn | Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 348 | Nguyễn Anh Tú | Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 349 | Lê Văn Vũ | Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 350 | Nguyễn Xuân Thắng | Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 351 | Nguyễn Hoàng Quang | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 352 | Lê Công Bình | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 353 | Huỳnh Thế Hùng | Phó Đội trưởng | Thạc sĩ Quản lý kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 354 | Tô Minh Cường | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 355 | Nguyễn Thị Cẩm Loan | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 356 | Đặng Phú Quất | Phó Đội trưởng | Thạc sĩ kỹ thuật điện; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 357 | Lê Quang Nghĩa | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |
| 358 | Lê Quang Bình | Phó Đội trưởng | Cử nhân kinh tế; lĩnh vực pháp luật về thương mại |

*Danh sách này có* ***358*** *người, được tổng hợp theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh, bao gồm: Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 20/8/2021, Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 21/3/2022, Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 21/3/2022, Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 23/9/2022, Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 23/9/2022, Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 19/4/2023, Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 19/4/2023, Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 20/10/2023, Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 24/10/2023; Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 22/4/2024; Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 ./.*